

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2023/HS-PT

Ngày 25 tháng 7 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Vinh;

Ông Nguyễn Gia Lương.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khánh Hưng- Thẩm tra viên
Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 123/2023/TLPT-HS ngày 19 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2023/HS-ST ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang. Bị cáo có kháng cáo:

- Họ và tên: T, sinh năm 1991; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12.

Con ông: T1, sinh năm 1954 và bà H, sinh năm 1960; Vợ bị cáo là M, sinh năm 1993; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019; Gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con út.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ ngày 10/10/2022 đến ngày 19/10/2022 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Trong vụ án còn có các bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người chứng kiến nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T, sinh năm 1991; trú tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang lợi dụng việc nhà nước tổ chức giải xổ số kiến thiết miền Bắc và thông báo kết quả mở thưởng hàng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng nên T đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức nhận cấp đề của các thư ký và bán các số lô, số đề cho các đối tượng chơi để thu lợi bất chính. Để thực hiện hành vi phạm tội T đã sử dụng điện thoại Vsmart VOS 3.0 lắp sim số 0968.741.633 đăng ký nick Zalo là “okk” để nhận các tin nhắn Sms, Zalo chứa các số lô, số đề. T khai, sau khi tổng hợp T chuyển một phần số lô, số đề cho N, sinh năm 1976; trú tại thôn G, xã H, huyện H và Đỗ Tiến Thành, sinh năm 1989; trú tại thôn An Lạc, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội để hưởng phần trăm hoa hồng, số còn lại thì T giữ lại và thanh toán trực tiếp với các đối tượng.

Quá trình điều tra xác định, ngày 10/10/2022 T đã nhận các số lô, đề của Trần Thị Thanh M, sinh năm 1981; trú tại thôn HH, xã Q, huyện H và các đối tượng đánh bạc gồm: Nguyễn Văn Bích, sinh năm 1974 trú tại thôn Ninh Tào, xã H, huyện H; T, sinh năm 1983, H, sinh năm 1993 đều trú tại thôn Gò Pháo, xã H, huyện H và Nguyễn T, sinh năm 1984 trú tại Tổ dân phố số 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi nhận các số lô, số đề của các thư ký và đối tượng chơi thì T sử dụng điện thoại Vsmart VOS 3.0 lắp sim số 0968.741.633 để nhắn tin sms chuyển một phần số lô, số đề đến N qua số điện thoại 0399.476.636 và cho Đỗ Tiến Thành, sinh năm 1989.

Đối với Trần Thị Thanh M, để thực hiện hành vi phạm tội, hàng ngày M ở nhà bán các số lô, số đề cho các đối tượng mua. Sau đó, tổng hợp lại và sử dụng điện thoại di động Nokia lắp sim số 0333.321.034 và điện thoại Oppo lắp sim 0399.661.624 đăng ký tài khoản Zalo có nick là “Thanh M” nhắn tin Sms và tin nhắn Zalo chuyển một phần số lô, số đề đến số điện thoại 0968.741.633 của T để hưởng phần trăm hoa hồng.

Ngày 10/10/2022, M đã trực tiếp bán các số lô, số đề cho các đối tượng, V, sinh năm 1977 và B, sinh năm 1961 đều ở thôn Hữu Định, xã Quang Minh, huyện H; bán số lô, số đề cho các đối tượng tự khai là QH, sinh năm 2002, HC, sinh năm 2003 đều trú tại thôn Trung Tâm, xã H, huyện H và một số đối tượng khác M không nhớ rõ tên, tuổi, địa chỉ. Đến hồi 20 giờ 00 phút ngày 10/10/2022, khi M đang có hành vi thanh toán tiền trúng thưởng số lô, số đề cho H và C thì bị Đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện H bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ của HC số tiền 2.400.000 đồng và 01 tờ cấp ghi các số lô, số đề có chữ ký của Cường; thu giữ của QH, số tiền 2.000.000 đồng và 01 tờ cấp đề; thu giữ của TM gồm: 01 chiếc điện thoại di động Oppo có số Imei1: 866787057957156; Imei2: 866787057957149; 01 chiếc điện thoại di động Nokia

màu đen, số Imei: 354492091876525 và số tiền 410.000 đồng; thu giữ tại bàn uống nước của nhà M 01 quyển sổ giáo án bên trong có 03 trang giấy ghi các chữ, số và 01 chiếc bút bi màu xanh. Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tiến hành niêm phong số vật chứng đã thu giữ.

Quá trình điều tra đã xác định được hành vi của các bị cáo như sau:

- T đánh bạc với tổng số tiền là **236.414.700 đồng**.
- B đánh bạc với tổng số tiền là **78.552.700 đồng**
- M đánh bạc với tổng số tiền là **38.385.000 đồng**.
- T1 đánh bạc với tổng số tiền là **25.182.000 đồng**
- V đánh bạc với tổng số tiền là **15.085.000 đồng**.
- H đánh bạc với tổng số tiền là **5.300.000 đồng**.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-HH ngày 07/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo T, B về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; M, T1, V, H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu.

Với nội dung trên, Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2023/HS-ST ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang căn cứ: Điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: T 03 năm 05 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2022 đến ngày 19/10/2022.

- Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T 20.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/3/2023, bị cáo T kháng cáo phần hình phạt của bản án sơ thẩm với đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng, không oan; bị cáo kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng hưởng án treo với lý do bản án sơ thẩm xử hình phạt nặng; ngoài lần phạm tội này ra bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật, được thôn và xã xác nhận; bị cáo đã tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung và án

phí hình sự sơ thẩm, tổng số tiền là 20.200.000 đồng tại Biên lai số 0000534 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bản thân bị cáo nhất được tài sản có giá trị lớn (01 ví da có nhiều giấy tờ tùy thân và 50.000.000 đồng - năm mươi triệu đồng tiền mặt) đã trả lại người bị rơi, có Công an xã Minh Đức, huyện Việt Yên xác nhận sự việc. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; bị cáo mong nhận được sự khoan hồng của Tòa án để tự cải tạo, chăm lo cho gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo có đầy đủ nội dung và nộp trong thời hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Bị cáo T phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo xuất trình 01 Đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú xác định ngoài lần phạm tội này ra bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật; 01 Đơn có xác nhận của Công an xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang về việc bị cáo nhất được và trả lại cho anh Lê Đức Quyền, trú tại xã Đ, huyện H 01 ví da bên trong có giấy tờ và 50 triệu đồng; bản thân bị cáo đã tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm, tổng số tiền là 20.200.000 đồng tại. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt, xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị cáo nộp đơn kháng cáo đến Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang trong hạn luật định, theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét, giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã nhận định là đúng sự thật, không oan. Lời khai nhận tội của bị cáo đã được thẩm tra ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm;

phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Lợi dụng việc nhà nước tổ chức giải xổ số kiến thiết miền Bắc và thông báo kết quả mở thưởng hàng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng nên T đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức nhận cấp đề của các thư ký và bán các số lô, số đề cho các đối tượng chơi để thu lợi bất chính. Tổng số tiền bị cáo T đánh bạc là **236.414.700 đồng**.

Do vậy, Tòa án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T thì thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa từng bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; có nơi cư trú rõ ràng. Sau khi bị cáo Trần Thị Thanh M bị bắt quả tang, bị cáo đã tự ra đầu thú, bị cáo đánh bạc với hình thức ghi số lô đề; số tiền tham gia đánh bạc trong thời gian một ngày mới chỉ thể hiện trên các cấp đề, chưa thanh toán chuyển trả cho nhau.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo xuất trình Đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú xác định ngoài lần phạm tội này ra bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật; Đơn có xác nhận của Công an xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang về việc bị cáo nhặt được và trả lại cho anh Lê Đức Quyền, trú tại xã Đ, huyện H 01 ví da bên trong có giấy tờ và 50 triệu đồng. Bị cáo đã tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm, tổng số tiền là 20.200.000 đồng, thể hiện sự ăn năn, hối cải và chấp hành pháp luật. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù giam không gây nguy hiểm cho xã hội; không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà khoan hồng, tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa, tự cải tạo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đối chiếu với Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP sửa đổi Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo đủ điều kiện có thể được cho hưởng án treo.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm mức hình phạt của bản án sơ thẩm đã tuyên và cho bị cáo được hưởng án treo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **T**, sửa bản án sơ thẩm. Giảm hình phạt của Bản án sơ thẩm và cho bị cáo hưởng án treo.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: T 03 (**ba**) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách đối với bị cáo là 05 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận bị cáo đã nộp xong tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm, tổng số tiền là 20.200.000 đồng tại Biên lai số 0000534 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN -
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Vinh Nguyễn Gia Lương

Nguyễn Văn Nhiên